

Bản án: 85/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2018

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Văn Hiệp;

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Kim Tiến;
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 343/2018/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* Chị D, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

( Hai bên đương sự có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 5 tháng 4 năm 2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh T trình bày: Anh T và chị D chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hợp nhau. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung tên P, sinh ngày 6/6/2009 hiện anh T đang nuôi. Khi ly hôn, anh T xin tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của chị D: Chị D xác nhận lời trình bày của anh T về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung và nợ chung giữa chị D và anh T theo anh T trình bày là đúng.

Nay anh T xin ly hôn, chị D đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên P, sinh ngày 6/6/2009 hiện anh T đang nuôi. Khi ly hôn, chị D xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Vợ chồng chung sống có tài sản chung là những vật dụng trong nhà và đồ bán quán nhưng khi ly hôn chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh tụng tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[1.2] Tại phiên Tòa ngày hôm nay, nguyên đơn anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện “Về cấp tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết”. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh T tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T và chị D chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Nay anh T và chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn nên thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị D là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị D thống nhất khai, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên P, sinh ngày 6/6/2009 hiện anh T đang nuôi. Khi ly hôn, cả anh T và chị D đều xin được quyền nuôi con chung.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh T và chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu tranh chấp nuôi con. Anh T xin nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng con đang sống với anh T, anh T đi làm khoan giềng hàng tháng có thu nhập ổn định và có chỗ ở ổn định. Mặt khác, con chung của anh T và chị D đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với anh T. Chị D cho rằng có việc làm giờ hành chính thu nhập ổn định nên có thời gian chăm sóc con. Ngoài ra chị D làm thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 15.000.000đ nên chị D xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu P, sinh ngày 6/6/2009 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phút. Ngoài ra, anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh T và chị D thống nhất khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh T và chị D thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T xin ly hôn với chị D.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên P, sinh ngày 6/6/2009 hiện anh T đang nuôi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh T không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, anh T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chị D có quyền xin thay đổi quyền nuôi con.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân, gia đình sung sơ thẩm công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 2548 ngày 5/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Anh T đã thi hành xong.

Án này là sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã P
- Lưu VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Văn Hiệp**